TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-PT
Ngày: 23/4/2019
"*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Anh Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Trọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Đoàn Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về " tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:26/2019/QĐPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Ngô Văn L**, sinh năm 1946; địa chỉ: Đội 11, thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hồ Thị Hoàng O, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 14, Khu vực 3, phường Hương L, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc H - Luật sư của Công ty Luật Ngọc H và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Số 5 Kiệt 187 Phan Đình P, phường Phú N, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.(có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Ngô Văn L1**, sinh năm 1951; địa chỉ: Đội 11, thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.(có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Lê Thị Trà M- Luật sư của Công ty Luật hợp danh Thiên H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 70 Phan Chu T, phường Trường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.(có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1955; địa chỉ:Đội 11, thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. (có mặt)

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1951;địa chỉ: Đội 11, thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Anh Ngô Văn T (Hải), sinh năm 1981; (có mặt)

- Chị Trần Thị Th, sinh năm 1985; (có mặt)

- Anh Ngô Văn S, sinh năm 1975; (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; (vắng mặt)

- Anh Ngô Văn N1, sinh năm 1985; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Đội 11, thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc S, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thanh B – Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã Hương Thủy (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Ngô Văn L1 - Bị đơn. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn - ông Ngô Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà Trần Thị Đ trình bày:

Nguồn gốc quyền sử dụng đất tọa lạc tại thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích khoảng 1.100m^2 do ông Ngô Văn H (chết năm 1975) và bà Nguyễn Thị T (chết năm 2003) tạo lập. Ông Ngô Văn L1 và ông Ngô Văn L là con ruột của cụ H và cụ T. Năm 1975, ông L1 là người lập gia đình trước, nên được bố mẹ cho làm nhà riêng phía bên trong của thửa đất. Còn ông L vẫn sống chung trong nhà cùng với bố mẹ mình. Sau khi bố mẹ qua đời, ngôi nhà ông L bị hư hỏng nên hai anh em tháo dỡ và chia nhau vật liệu tháo dỡ từ ngôi nhà của bố mẹ. Sau đó, ông L xây dựng lại nhà mới trên vị trí nhà cũ của bố mẹ.

Năm 1993, trên cơ sở thỏa thuận về diện tích và ranh giới đất giữa ông Ngô Văn L và ông Ngô Văn L1, vào ngày 30/9/1993 Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (nay là Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L với diện tích 486m^2 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn Lang Xá C, xã Thủy Thanh, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 với diện tích 600m^2 đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông L1 thì lối đi thể hiện là ở phần phía sau nhà ông L1, nhưng ông L1 không sử dụng lối đi này mà gia đình ông L1 đi trên phần đất

của ông L. Việc gia đình ông L1 đi trên phần đất của ông L là do ông L cho đi nhờ chứ không phải lối đi vào nhà ông Lệt.

Về ranh giới giữa hai thửa đất của ông L và ông L1: Do anh em trong gia đình nên không làm hàng rào ranh giới cụ thể, nhưng khi tiến hành làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn thể hiện ranh giới giữa hai thửa đất là hàng cọc tre. Đến năm 2001, khi ông L đi chấp hành án, thì ông L1 đã tự ý nhổ bỏ cọc tre, đúc sân bê tông và xây am thờ lấn sang phần đất của ông L. Tuy nhiên, do nghĩ anh em trong nhà nên ông không có ý kiến gì. Đến năm 2014 khi nghe tin ông L1 đang tiến hành làm thủ tục tách thửa để chia đất cho các con trong đó có cả phần đất đi trên thửa ông L. Nên ông Ngô Văn L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Văn L1 phải trả lại diện tích lấn chiếm là 70,7m^2, trong đó diện tích đất ông L1 sử dụng làm lối đi ngang qua nhà ông Lương là 43,9m^2 và tranh chấp ranh giới giữa hai thửa đất là 25,4m^2. Đồng thời ông L yêu cầu ông L1 phải tháo dỡ 02 cái am thờ trên diện tích đất ranh giới và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số B964063 do Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (nay là Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy) cấp cho ông Ngô Văn L1 vào ngày 30/9/1993. Do tính toán nhầm lẫn, nên nay ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông L yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Văn L1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 69,3m^2, trong đó diện tích đất ông Lệt sử dụng làm lối đi ngang qua nhà ông Lương là 43,9m^2, tranh chấp ranh giới giữa hai thửa đất là 25,4m^2; các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Bị đơn- ông Ngô Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là bà Trầm Thị N trình bày: Ông thừa nhận nguồn gốc thửa đất mà ông L và ông đang sử dụng là do bố mẹ của ông tạo lập như ông L trình bày là đúng. Năm 1975, ông lập gia đình với bà Trần Thị N nên được bố mẹ cho làm nhà riêng phía bên trong của thửa đất, sau khi làm nhà thì gia đình ông L1 vẫn đi chung lối đi vào nhà bố mẹ để vào nhà ông L1 từ đó cho đến nay. Thực hiện chủ trương của Nhà nước và trên cơ sở thỏa thuận ranh giới giữa hai anh em nên ngày 30/9/1993 Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy(nay là Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 với diện tích 600m^2. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thì gia đình ông L1 không có lối đi. Sau khi phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có lối đi như ông vẫn sử dụng nên ông L1 đã có văn bản khiếu nại và yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã cấp nhưng Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy không chấp nhận vì cho rằng đã có lối đi riêng vào nhà ông L1 nằm ở phía sau lưng nhà ông L.

Nay ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L với lý do lối đi của gia đình ông đã tồn tại từ năm 1975 cho đến nay; về ranh giới giữa hai thửa đất: Từ khi tách thửa cho hai anh em thì ranh giới giữa hai thửa đất vẫn ổn định, không có gì thay đổi từ trước cho đến nay. Ông vẫn sử dụng phần sân trước nhà để phơi lúa sau đó tiến hành làm sân xi măng như hiện nay và xây dựng 02 am thờ trên phần đất của mình chứ không lấn chiếm vào phần đất của ông L, đồng thời đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số B964064 do Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy(nay là

Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy) cấp cho ông Ngô Văn L vào ngày 30/9/1993 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01, diện tích 486m^2 tọa lạc tại thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế vì ông cho rằng phần diện tích làm lối đi vào nhà ông đã cấp cho ông L là cấp không đúng người sử dụng đất.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Trần Thị Đ thống nhất như lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của Ngô Văn L.

- Bà Trần Thị Nữa thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông Ngô Văn L1.

- Anh Ngô Văn T (H) và chị Trần Thị T1 trình bày: Hai anh chị là vợ chồng được ông L1 cho đất và xây nhà kiên cố trên phần đất của ông L1 từ năm 2003. Sau khi làm nhà, vợ chồng anh đi chung con đường với gia đình ông L1 để đi ra đường công cộng. Nay anh chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn L.

- Anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng anh S và chị H được ông L1 cho đất và làm nhà ở ổn định. Quá trình sinh sống, vợ chồng anh chị đi ra đường công cộng bằng lối đi chung với ông L1. Anh S và chị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

- Anh Ngô Văn N trình bày: Quá trình sinh sống gia đình anh đã đi trên con đường hiện đang có tranh chấp, con đường này gia đình anh đã sử dụng hơn 40 năm, nhà ở của gia đình anh (Nhà ông L1) có mặt hướng ra phía đường đi này. Anh N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

- Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy trình bày: Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 01 với diện tích 486m^2 do ông Ngô Văn L kê khai và sử dụng theo bản đồ giải thửa 299, được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (Nay là thị xã Hương Thủy) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B964064 cho ông Ngô Văn L ngày 30/9/1993; Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 01 với diện tích 600m^2 do ông Ngô Văn L1 kê khai khai sử dụng theo bản đồ giải thửa 299, được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (Nay là thị xã Hương Thủy) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B964063 cho ông Ngô Văn L1 ngày 30/9/1993. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn L và ông Ngô Văn L1 được thực hiện theo Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên căn cứ trên bản đồ giải thửa 299 được thực hiện theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng chính phủ và sổ mục kê ruộng đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không lập hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L và ông L1 đúng quy định của pháp luật đất đai. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 đã thể hiện lối đi ở phía sau nhà ông L và ông L1, nhưng ông L1 không sử dụng lối đi này.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 166, Điều 170, 171 khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 164, 175, 184, 254 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B964063 đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 01 với diện tích 600m^2 đứng tên Ngô Văn L1, tọa lạc tại thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn L1 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B964064 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01 với diện tích 486m^2 đứng tên Ngô Văn L, tọa lạc tại thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Văn L: Giao cho các hộ gia đình ông Ngô Văn L1, bà Trần Thị N; hộ gia đình anh Ngô Văn T và chị Trần Thị T1; hộ gia đình anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng chung diện tích đất 39,9m^2 để làm lối đi chung ra đường công cộng (Có họa đồ kèm theo). Diện tích đất này nằm trong thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01 đứng tên Ngô Văn L, tại thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Buộc ông L1 và bà N; anh S và chị H; anh T và chị T1 phải liên đới trả cho ông L giá trị quyền sử dụng đất làm lối đi là 159.600.000đ. Phần của mỗi hộ gia đình phải trả cho ông Lương cụ thể như sau:

+ Ông Ngô Văn L1 và bà Trần Thị N phải trả cho ông Ngô Văn L số tiền 53.200.000đ;

+ Anh Ngô Văn T và chị Trần Thị T1 phải trả cho ông Ngô Văn L số tiền 53.200.000đ;

+ Anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị H phải trả cho ông Ngô Văn L số tiền 53.200.000đ;

- Buộc ông Ngô Văn L1 phải trả lại cho ông Ngô Văn L, diện tích đất còn lại sau khi mở đường là 4m^2 (Có họa đồ kèm theo).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn L buộc ông Ngô Văn L1 phải tháo dỡ hai cái am thờ và trả diện tích đất lấn chiếm ranh giới là 25,4m^2.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc, định giá tài sản tranh chấp là 8.936.000đ. Ông L và ông L1 mỗi người phải chịu ½ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc, định giá tài sản tranh chấp là 4.468.000đ. Ông L đã nộp đủ số tiền này nên ông L1 phải hoàn trả lại cho ông L số tiền là 4.468.000đ.

5. Về án phí: Ông Ngô Văn L1, bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.660.000đ; Anh Ngô Văn T và chị Trần Thị T1 phải chịu 2.660.000đ án phí dân sự sơ thẩm; Anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.660.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Ngô Văn L phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nộp là 10.263.500đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003285 ngày 23/10/2013; biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003359 ngày 14/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Hoàn trả lại cho ông Ngô Văn L số tiền chênh lệch là 10.063.500đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi thành án, thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 30/11/2018 bị đơn - ông Ngô Văn L1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn L về việc đòi lại diện tích 43,9m^2 hiện gia đình ông L1 đang sử dụng làm lối đi vì diện tích này thuộc quyền sử dụng của ông L1; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B964063 do Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy(nay thị xã Hương Thủy) cấp cho ông Ngô Văn L vào ngày 30/9/1993 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01, diện tích 486m^2 tọa lạc tại thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (Nay là thị xã Hương Thủy) cấp cho ông Ngô Văn L ngày 30/9/1993 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01, diện tích 486m^{2}tọa lạc tại thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đồng thời, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện UBND thị xã Hương Thủy khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn L vào ngày 30/9/1993 là phù hợp với quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm năm 1993.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu và cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn, về phía bị đơn có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền thuộc Tòa án giải quyết.

- Về quyền kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn L1 có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 271; thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận:

[2]. *Về nội dung:*

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Văn L với ông Ngô Văn L1 và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía ông L1. Tuy nhiên, chỉ một mình ông L1 kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo của ông L1 như sau:

[2.1]. Đối với kháng cáo về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (nay là thị xã Hương Thủy), tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Ngô Văn L vào ngày 30/9/1993 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01, diện tích 486m^2 tọa lạc tại thôn Lang Xá C, xã Thủy T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do bố mẹ ông L và ông L1 (ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T) tạo lập. Khi ông H và bà T còn sống, do ông L1 lập gia đình trước, nên được bố mẹ cho đất làm nhà riêng ở phần sau thửa đất, còn ông L vẫn ở cùng với bố mẹ trên vị trí ngôi nhà cũ. Vào năm 1985, theo sự thỏa thuận giữa hai anh em về diện tích, nên cả hai đã phân chia thửa đất của bố mẹ để lại và tiến hành kê khai đăng ký với chính quyền địa phương. Thực hiện chủ trương của Nhà nước về tiến hành các thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Ngô Văn L đã đăng ký kê khai và căn cứ vào bản đồ địa chính cũng như Sổ dã ngoại mà UBND huyên Hương Thủy đã lập, vì vậy vào ngày 30/9/1993 Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn L với diện tích 486 m^2 tại thửa đất số 66, tờ bản đồ 01. Sau khi cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông L, không có ai khiếu nại, do đó diện tích đất mà UBND huyện Hương Thủy đã cấp Giấy chứng nhận cho ông L thì ông L có quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn L đều được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (nay là thị xã Hương Thủy), tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện đúng theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm năm 1993. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô

Văn L1 đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô Văn L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Đối với kháng cáo về diện tích 43,9m^2 (trong đó diện tích lối đi là 39,9 m^2 và diện tích đất còn lại sau khi mở đường là 4m^2) ông Lệt cho rằng đó là diện tích thuộc quyền sử dụng đất của ông, Hội đồng xét xử nhận thấy:

UBND huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 01 (cùng thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L) với diện tích là 600 m^2, trong đó thể hiện lối đi ở phía sau diện tích đất của ông L và ông L1. Tuy nhiên, gia đình ông L1 không sử dụng lối đi này mà sử dụng lối đi trên phần diện tích đất mà ông L đang sử dụng nên mới xảy ra tranh chấp. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 06/4/2018 và bản vẽ kèm theo Biên bản định giá tài sản ngày 24/8/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm thì hiện nay gia đình ông L1 đang thực tế sử dụng 570,5 m^2; ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định: "*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn L buộc ông Ngô Văn L1 phải tháo dỡ hai cái am thờ và trả diện tích đất lấn chiếm ranh giới là 25,4m*^{2}" phần quyết định này không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực. Do đó tổng diện tích quyền sử dụng đất mà gia đình ông L1 đang thực tế sử dụng là 595,9 m^2. Như vậy, diện tích quyền sử dụng đất đang tranh chấp là 43,9m^2 mà gia đình ông L1 làm lối đi không nằm trong phần diện tích đất mà ông L1 được cấp. Trong khi đó, diện tích đất này nằm trên phần đất mà UBND huyện Hương Thủy đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L; đồng thời ông Ngô Văn L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 486 m^2, nhưng theo Biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 06/4/2018 và bản vẽ kèm theo Biên bản định giá tài sản ngày 24/8/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm thì hiện nay gia đình ông Lương đang thực tế sử dụng 376,1 m2.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn L buộc ông Ngô Văn L1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía ông Lệt phải trả lại diện tích 43,9m^2 hiện gia đình ông Lệt đang sử dụng là có căn cứ pháp luật. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Văn L giao diện tích quyền sử dụng đất trên cho gia đình ông L1 sử dụng và buộc gia đình ông L1 phải hoàn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho ông L là hợp lý. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Ngô Văn L1 không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Toà án

Tuyên xử:

1, Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2, Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn L1 phải chịu 300.000 đồng. nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 005208 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Lệt đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3, Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDCC tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh TT Huế;*
- *TAND thị xã Hương Thủy;*
- *Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP;*
- *Lưu Tòa Dân sự;*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Cao Sơn